

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
	TỔNG SỐ	3.078.297	523.462	19.100	1.002.584	65.575	39.945	26.202	6.000	488.122	298.440	16.274	524.151	47.542
1	Văn phòng Tỉnh ủy	76.848	62							600			75.949	
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	32.819	70							3.312			29.437	
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	53.922	96	-	-	3.757	-	-	-	15.427	-	-	34.642	-
	- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	43.509	96							15.427			27.986	
	- Đảng ủy UBND tỉnh	6.656											6.656	
	- Trung tâm tin học và Công báo	3.757				3.757				-				
4	Sở Khoa học và Công nghệ	50.280	198	19.100	-	3.323	-	-	-	17.230	-	-	10.429	-
	- Văn phòng sở	38.870	198	14.209						14.034			10.429	-
	- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	6.519	-			3.323				3.196				
	- Trung tâm kiểm định và phát triển khoa học công nghệ	4.891		4.891										
5	Sở Nội vụ	75.038	202	-	7.956	-	-	-	-	9.586	-	-	21.478	20.816
	- Văn phòng sở	61.336	202		7.956					1.161			21.478	15.539
	- Trung tâm Điều dưỡng Người có công và dịch vụ việc làm	5.277												5.277
	- Trung tâm lưu trữ lịch sử	8.425								8.425				
6	Sở Tài chính	34.051	54	-	-	-	-	-	-	9.765	-	-	24.232	-
	- Văn phòng sở	24.404	54							118			24.232	
	- TT Xúc tiến đầu tư và Tư vấn dịch vụ tài chính	9.647								9.647				
7	Sở Xây dựng	319.543	-	-	-	-	-	-	-	298.440	298.440	-	21.103	-
	- Văn phòng sở	319.543								298.440	298.440		21.103	
8	Sở Công Thương	25.509	-	-	-	-	-	-	-	3.303	-	-	22.206	-
	- Văn phòng sở	9.460								133			9.327	
	- Chi cục Quản lý thị trường	12.879											12.879	
	- Trung tâm Khuyến công	3.170								3.170				
9	Sở Nông nghiệp và Môi trường	133.840	-	-	-	-	-	-	6.000	8.376	-	145	119.464	-
	- Văn phòng sở	46.071							6.000	31		31	40.040	
	- Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng nông lâm sản, thủy sản	7.344											7.344	
	- Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	3.922											3.922	
	- Chi cục Kiểm lâm	56.740											56.740	
	- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	5.777								478			5.299	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:											CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ				
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN, THỦY SẢN			
	- Chi cục Chăn nuôi và Thú y	6.119								-			6.119		
	- Trung tâm Khuyến nông và Kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn	7.753								7.753					
	- Ban Quản lý rừng phòng hộ	114								114		114			
10	Sở Tư pháp	13.700	-	-	-	-	-	-	-	3.465	-	-	10.235	-	
	- Văn phòng Sở	10.719								484			10.235		
	- Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	2.981								2.981					
11	Sở Ngoại vụ	14.393	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.393	-	
	- Văn phòng sở	14.393	-										14.393		
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	456.854	442.550	-	-	-	-	-	-	1.315	-	-	12.989	-	
	- Văn phòng sở	25.672	11.368							1.315			12.989		
	- Khối THPT	203.583	203.583												
	- Khối Trung tâm GDTX-GDNN	57.840	57.840												
	- Khối trường phổ thông dân tộc nội trú	169.759	169.759												
13	Sở Y tế	633.493	-	-	586.944	-	-	-	-	16.711	-	-	19.405	10.433	
	- Văn phòng sở	14.247								2.000			12.247		
	- Chi cục Dân số	3.739											3.739		
	- Chi cục Vệ sinh ATTP	3.419											3.419		
	- Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Lai Châu	10.433												10.433	
	- Sở Y tế	6.658			6.658										
	- Bệnh viện Đa khoa tỉnh	60.234			59.922					312					
	- Bệnh viện Y học cổ truyền	9.530			8.534					996					
	- Bệnh viện Phổi	17.020			16.050					970					
	- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	53.083			52.592					491					
	- Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm	8.616			8.616										
	- Trung tâm Pháp y	4.580			4.580										
	- Trung tâm Y tế Tam Đường	46.957			45.586					1.371					
	- Trung tâm Y tế Phong Thổ	64.978			63.626					1.352					
	- Trung tâm Y tế Tân Uyên	49.826			48.547					1.279					
	- Trung tâm Y tế Than Uyên	57.005			55.654					1.351					
	- Trung tâm Y tế Sin Hồ	68.327			65.597					2.730					
	- Trung tâm Y tế Mường Tè	64.941			63.433					1.508					
	- Trung tâm Y tế Lai Châu	31.337			30.512					825					
	- Trung tâm Y tế Nậm Nhùn	41.029			39.503					1.526					
	- Phụ cấp nhân viên y tế thôn bản	13.423			13.423										
	- Kinh phí thực hiện các đề án, nghị quyết	1.317			1.317										
	- Kinh phí thực hiện các kế hoạch của tỉnh	2.794			2.794										
14	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	92.792	13	-	-	51.382	-	26.202	-	3.792	-	-	11.403	-	
	- Văn phòng sở	39.563				24.420				3.740			11.403		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
	- Trung tâm văn hóa nghệ thuật tỉnh	18.517	1			18.516								
	- Thư viện tỉnh	4.322				4.270				52				
	- Bảo tàng tỉnh	4.176				4.176								
	- Trung tâm huấn luyện thi đấu thể dục thể thao	26.214	12					26.202						
15	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Lai Châu	11.582								6.474			5.108	
16	Văn phòng Ban An toàn giao thông	3.307											3.307	
17	Sở Dân tộc và Tôn giáo	7.451	43										7.408	
18	Thanh tra tỉnh	30.797	236							360			30.201	
19	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	55.498	155	-	-	-	-	-	-	4.581	-	-	50.762	-
	- Văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	31.803	155										31.648	
	- Trung tâm hoạt động cộng đồng	4.581								4.581				
	- Hội liên hiệp các tổ chức hữu nghị	429											429	
	- Hội cựu thanh niên xung phong	905											905	
	- Hội Luật gia	1.652											1.652	
	- Hội Nhà báo	469											469	
	- Hội Người cao tuổi	1.634											1.634	
	- Hội Chữ thập đỏ	3.802											3.802	
	- Hội Văn học nghệ thuật	3.646											3.646	
	- Hội Khuyến học	930											930	
	- Liên minh hợp tác xã	4.156											4.156	
	- Liên hiệp hội Khoa học và Kỹ thuật	1.491											1.491	
20	Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh	55.704	52				7.113	39.945			8.594			
21	Ban QLTTTC chính trị tỉnh	29.864								29.864				
22	Trường Chính trị tỉnh	10.379	10.379											
23	Trường Cao đẳng Lai Châu	58.521	58.521											
24	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	8.798								8.798				
25	Công an tỉnh	35.200												
26	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	176.615								970				
27	Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng	17.278								460				
28	Bảo Hiểm xã hội tỉnh	414.800			407.684									7.116
29	Viện kiểm sát tỉnh	300												
30	Tòa án nhân dân	300												
31	Thi hành án Dân sự	200												
32	Cơ quan thường trú Thông tấn xã Việt Nam tại Lai Châu	100												
33	Công ty TNHH MTV quản lý thủy nông	16.129								16.129		16.129		
34	Công ty Cổ phần cao su dầu tiếng Lai Châu	400												400
35	Công ty Cổ phần cao su Lai Châu	7.550												7.550
36	Công ty Cổ phần cao su Lai Châu II	1.227												1.227
37	Thuế tỉnh Lai Châu	500												
38	Kinh phí phân bổ chi tiết sau	122.715	10.831	-	-	-	-	-	-	20.570	-	-	-	-

[illegible]